

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thảo

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Luân Văn Lý

2. Ông Dương Khánh Luy

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2011/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2011 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Trọng Q - Sinh năm 1973;

Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12;

Cư trú tại: SN ST, tổ B, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thúy H - Sinh năm 1976;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 12;

Cư trú tại: SN ST, tổ B, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

(Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Đội BC, Phân trại số H, Trại giam PS, Tổng cục VIII Bộ Công an, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên);
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/9/2011 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Hoàng Trọng Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Trọng Q và bà Trần Thúy H kết hôn vào năm 1994, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 05/01/1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PSB, thị xã CB (Nay là thành phố CB), tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, ông Q làm nghề lái xe, còn bà H chưa có việc làm ổn định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp và mâu thuẫn về kinh tế. Hai bên thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Quá trình mâu thuẫn, hai vợ chồng đã tự hòa giải và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả, mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay. Năm 2016, bà H bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt án chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam PS, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Tại tòa ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Hoàng Trọng V (Giới tính: Nam) - sinh ngày 29/10/1995 và Hoàng Quang Đ (Giới tính: Nam) - sinh ngày 07/10/2002. Hiện nay con chung Hoàng Trọng V đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề xem xét. Con chung Hoàng Quang Đ đang ở cùng ông Q; Sau khi ly hôn, ông Q có yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thúy H (Có xác nhận của Ban giám thị trại giam PS), bị đơn bà Trần Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H nhất trí với ý kiến của ông Q về điều kiện và thời gian kết hôn. Bà H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính tình không hòa hợp. Đến nay, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được tình cảm, mặc dù hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không thành. Đồng thời, bà H xác định mặc dù vẫn còn tình cảm với chồng nhưng do vợ chồng đã ly thân từ lâu, bản thân bà hiện nay đang chấp hành án trong tù nên tình trạng hôn nhân không thể cải thiện và mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H cho biết ngày 17/5/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, mức án tù chung thân, bà H đã chấp hành hình phạt tù được 21 tháng. Nay ông Q yêu cầu ly hôn, bà H nhất trí. Đề nghị tòa giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Hoàng Trọng V (Giới tính: Nam) - sinh ngày 29/10/1995 và Hoàng Quang Đ (Giới tính: Nam) - sinh ngày 07/10/2002. Hiện nay con chung Hoàng Trọng V

đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề xem xét. Con chung Hoàng Quang Đ đang ở cùng ông Q; Sau khi ly hôn, ông Q có yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử ly hôn vắng mặt bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 06/2017/QĐ-TUTA ngày 13/6/2017 cho Trại giam PS, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên ủy thác tiến hành lập biên bản lấy lời khai của bà H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy ông Q và bà H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của ông Q, cho ông Q được ly hôn với bà H. Về con chung: Hai bên đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và công nhận. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Ông Q và bà H đều không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ban hành bản án đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã tiến hành cho các đương sự làm bản tự khai. Tuy nhiên, đến ngày 12/10/2011 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng nhận được Công văn số 13/CV-CCTHA của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng về việc đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tạm dừng giải quyết vụ án Xin ly hôn giữa ông Hoàng Trọng Q và bà Trần Thúy H để đảm bảo thi hành án, do bà H đang thi hành bản án dân sự số 11/DSST ngày 27/02/1997 và Bản án số 14/DSST ngày 14/8/2007 của Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng (Nay là thành phố Cao Bằng). Do vậy, ngày 06/02/2012 Tòa án đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án cho đến khi lý do tạm đình chỉ không còn. Ngày 15/5/2017 Tòa án nhận được Công văn số 384/CCTHADS ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự về việc đề nghị Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết. Ngày 16/5/2017 Tòa án ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 08/QĐ-ST. Nhưng do bà H hiện

đang chấp hành án theo bản án ngày 17/5/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, mức án tù chung thân. Do đó, Tòa án đã tiến hành ủy thác cho Trại giam PS, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên tiến hành lập biên bản lấy lời khai của bị đơn là bà H để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự cũng như việc giải quyết vụ án được khách quan. Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Ông Hoàng Trọng Q kết hôn với bà Trần Thúy H năm 1994, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình; ngày 05/01/1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường SB, thị xã CB (Nay là thành phố CB), tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Trọng Q và bà Trần Thúy H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại nơi cư trú của ông Q và bà H, kết quả xác minh cho thấy ông Q và bà H có phát sinh mâu thuẫn với nhau khoảng cuối năm 2010 và nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Q và bà H đều thừa nhận hai vợ chồng trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do mâu thuẫn về kinh tế. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, mặc dù ông Q và bà H đã tự hòa giải nhiều lần và được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không khắc phục được tình cảm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay và không còn không quan tâm đến nhau. Trong khi đó, quyền và nghĩa vụ vợ chồng được quy định trong Luật hôn nhân gia đình, tại Điều 19 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, ông Q và bà H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó. Hơn nữa, theo như các bản tự khai của các bên đương sự cũng như trong biên bản lấy lời khai của bà H trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông Q đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã được hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả và đủ căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích*

của hôn nhân không đạt được". Do đó, cho ông Q và bà H ly hôn theo đơn khởi kiện của ông Q, ý kiến của bà H, cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Về con chung: Ông Q và bà H có 02 con chung là: Hoàng Trọng V (Giới tính: Nam) - sinh ngày 29/10/1995 và Hoàng Quang Đạt (Giới tính: Nam) - sinh ngày 07/10/2002. Hiện nay con chung Hoàng Trọng V đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra vấn đề xem xét.

Do hiện nay bị đơn là bà H đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam PS, cho nên ông Q và bà H đều thống nhất con chung sẽ do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, không đặt ra vấn đề trợ cấp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh hiện nay của ông Q và bà H cần chấp nhận giao con chung cho ông Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo điều kiện vật chất và nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung.

Về chia tài sản chung: Ông Q cho rằng không có tài sản chung; bà H tại bản tự khai ngày 16/11/2011 cũng cho rằng không có tài sản chung, nhưng tại bản khai ngày 30/6/2017 bà lại cho rằng tài sản chung có nhà, đất, xe ô tô, tuy nhiên không yêu cầu tòa án giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi cho bà H cũng như việc giải quyết được toàn diện và khách quan trong trường hợp bà H vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sẽ không đặt ra vấn đề giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

Nợ chung, nợ riêng: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết do hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHvụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHvụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Hoàng Trọng Q và bà Trần Thúy H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Hoàng Quang Đ (Giới tính: Nam) - sinh ngày 07/10/2002 cho ông Hoàng Trọng Q trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Hoàng Trọng Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Q đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số AA/2011/000296 ngày 04/10/2011 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Trọng Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thúy H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Thảo